

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2026

*V/v: Tranh chấp về nuôi con của
nam và nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không ĐKKH.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lực
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đèo Văn Chiên; Ông Đèo Văn Vĩnh.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Đinh Thị Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên tòa:* Bà Đặng Ngọc Anh - Kiểm sát viên

Ngày 27/5/2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026, về việc “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Sùng Thị X, sinh năm 1997. Địa chỉ: Bản L, xã T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Giàng A L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản L, xã T, tỉnh Lai Châu, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2025, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Sùng Thị X trình bày:

Chị Sùng Thị X và anh Giàng A L về chung sống với nhau từ năm 2013, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về chung sống chị và anh L sống hạnh phúc được khoảng đến năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, cãi vã do không hợp tính cách, quan điểm sống và anh L có hành vi đánh chị X. Chị X và anh L đã có 02 con chung, thời gian chung sống đã lâu nhưng đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn và không mong muốn đăng ký kết hôn với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh L.

Về con chung: Chị và anh Giàng A L có 02 con chung là cháu Giàng Xuân T,

sinh ngày 24/01/2014 và cháu Giàng A D, sinh ngày 21/12/2015. Chị X và anh L đã thống nhất đề nghị Tòa án giao cháu cả 02 con chung cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị X xin miễn án phí do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

* Tại biên bản ghi lời khai bị đơn anh Giàng A L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Sùng Thị X đúng như chị X đã trình bày. Anh xác nhận năm 2013 anh và chị X về chung sống với nhau, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và chung sống khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, hay khắc khẩu, vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Xét thấy đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn và không mong muốn đăng ký kết hôn với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và do không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị X.

Về con chung: Anh xác nhận chị X trình bày về phần con chung là đúng. Anh đề nghị giao 02 con chung là cháu Giàng Xuân T, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Giàng A D, sinh ngày 21/12/2015 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung, chị X cũng nhất trí với ý kiến của anh.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Anh Giàng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lai Châu thể hiện: Anh Giàng A L và chị Sùng Thị X không đăng ký kết hôn và sống chung như vợ chồng. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn và hiện nay không còn chung sống với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 7 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản

lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu của chị Sùng Thị X.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị X và anh Giàng A L.

- Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: giao 02 con chung là cháu Giàng Xuân T, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Giàng A D, sinh ngày 21/12/2015 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Chị X có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh L không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Sùng Thị X và anh Giàng A L không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí: do chị Sùng Thị X là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Giàng A L cư trú tại bản L, xã T, tỉnh Lai Châu. Căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu.

Tại phiên tòa, chị Sùng Thị X và anh Giàng A L đều có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Sùng Thị X và anh Giàng A L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị X và anh Giàng A L về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã T xác nhận anh L và chị X sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Sùng Thị X và anh Giàng A L là hôn nhân không hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, đến năm 2024 thì hai anh chị không còn chung sống với nhau do phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết, chị X vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng với anh L và anh L nhất trí. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh L là quan hệ hôn nhân không hợp pháp nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Sùng Thị X và anh Giàng A L theo quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Anh L có nguyện vọng được giao 02 con chung là cháu Giàng Xuân T, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Giàng A D, sinh ngày 21/12/2015 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, Chị X nhất trí. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao cháu Giàng Xuân T và cháu Giàng A D cho anh Giàng A L nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh L không yêu cầu chị X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn chị Sùng Thị X là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chị X có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 28, điểm Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Sùng Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị X và anh Giàng A L.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung là cháu Giàng Xuân T, sinh ngày 24/01/2014 và cháu Giàng A D, sinh ngày 21/12/2015 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Sùng Thị X có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Giàng A L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Sùng Thị X.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

